

Số: 904 /XN-DP

PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Mã số mẫu: 1103.18



Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

Địa chỉ : Số 16 Nguyễn Chí Thanh, phường 6, Tp. Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

Người lấy mẫu : YS. Luân

Địa điểm lấy mẫu : Xí Nghiệp Cấp Nước KCN An Nghiệp, phường 7, TP. Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

Ngày lấy mẫu : 22/10/2018

Tên mẫu : NƯỚC NGẦM ĐẦU NGUỒN

Lượng mẫu : 1,5L x 2 + 500mL x 2

Ngày nhận mẫu : 22/10/2018

Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong chai nhựa 1,5L và chai thủy tinh 500mL, không bổ sung hóa chất cố định.

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
1	Coliforms tổng số (CFU/100mL)	ISO 9308 - 1:2014 (E) (*)	0	0	23/10/2018
2	Escherichia coli (CFU/100mL)	ISO 9308 - 1:2014 (E) (*)	0	0	23/10/2018
3	Chỉ số pecmanganat (mg/L)	TCVN 6186- 1996 (*)	0,64	2	24/10/2018
4	Clo dư (mg/L)	SMEWW 4500 - Cl ⁻ F-2012	0,37	0,3 - 0,5	23/10/2018
5	Clorua (mg/L)	SMEWW 4500 - Cl ⁻ B - 2012 (*)	186,00	250,00	24/10/2018
6	Độ cứng tổng cộng, tính theo CaCO ₃ (mg/L)	SMEWW 2340C - 2012 (*)	268,00	300,00	24/10/2018
7	Độ đục (NTU)	SMEWW 2130B - 2012	0,48	2	24/10/2018
8	Độ màu (màu sắc) (TCU)	SMEWW 2120C - 2012 (*)	0,99	15	24/10/2018
9	Mangan tổng số (mg/L)	SMEWW 3500 Mn - B - 2012 (*)	0,06	0,3	24/10/2018
10	Mùi vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	24/10/2018
11	Nitrate (mg/L)	TCVN 6180- 1996	1,62	50	24/10/2018
12	Nitrite (mg/L)	SMEWW 4500- NO ₂ ⁻ B - 2012 (*)	Không phát hiện	3	24/10/2018
13	pH	TCVN 6492:2011 (*)	7,32	6,5 - 8,5	24/10/2018
14	Sắt tổng cộng (mg/L)	SMEWW 3500 Fe - B - 2012	0,09	0,3	24/10/2018
15	Sulphat (mg/L)	SMEWW 427 C - 2012	176,4	250	24/10/2018

(*) Phép thử này đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2005.

Nhận xét: Mẫu NƯỚC NGẦM ĐẦU NGUỒN được xét nghiệm có các chỉ tiêu đạt theo QCVN 01:2009/BYT do Bộ Y Tế ban hành.

Mã số mẫu: 1103.18

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
-----	----------	-------------	---------	------------	-----------------

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.

TRƯỜNG KHOA XÉT NGHIỆM

[Signature]

ThS. QUÁCH VĨNH THUẬN

Sóc Trăng, ngày 01 tháng 11 năm 2018



Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn
1	Coliform tổng số (CFU/100ml)	ISO 9308 - 1:2014 (A)	0	0
2	Escherichia coli (E. coli) (CFU/100ml)	ISO 9308 - 1:2014 (A)	0	0
3	Chỉ số coliform tổng số (m.u.)	TCVN 6186-1:2012	0,04	0,04
4	Chỉ số coliform (m.u.)	SMEWW 4500 - CF 2012	0,37	0,3 - 0,5
5	Coliform (m.u.)	SMEWW 4500 - CF 2012	180,00	250,00
6	Độ cứng tổng cộng tính theo CaCO ₃ (mg/l)	SMEWW 2310C - 2012	250,00	300,00
7	Độ đục (NTU)	SMEWW 2130B - 2012	0,48	3
8	Độ màu (màu sắc) (TCU)	SMEWW 2120C - 2012	0,99	15
9	Mangan tổng số (mg/l)	SMEWW 3500 Mn-B - 2012	0,06	0,3
10	Môi trường	Cảm quan	Không có mùi vị lạ	Không có mùi vị lạ
11	Nitrate (mg/l)	TCVN 6186-1:2012	1,65	50
12	Nitrite (mg/l)	SMEWW 4500 NO ₂ -B - 2012	Không phát hiện	3
13	pH	TCVN 6186-1:2012	7,32	6,5 - 8,5
14	Độ cứng tổng cộng tính theo CaCO ₃ (mg/l)	SMEWW 2310C - 2012	0,99	0,3
15	Sulfat (mg/l)	SMEWW 457 C - 2012	120,4	250

Số: 905 /XN-DP

PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM
Mã số mẫu: 1104.18



Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG
Địa chỉ : Số 16 Nguyễn Chí Thanh, phường 6, Tp. Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng
Người lấy mẫu : YS. Luân
Địa điểm lấy mẫu : Trạm giếng 3, KCN An Nghiệp, phường 7, TP. Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.
Ngày lấy mẫu : 22/10/2018
Tên mẫu : NƯỚC NGẦM CUỐI NGUỒN
Lượng mẫu : 1,5L x 2 + 500mL x 2
Ngày nhận mẫu : 22/10/2018
Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong chai nhựa 1,5L và chai thủy tinh 500mL, không bổ sung hóa chất cố định.

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
1	Coliforms tổng số (CFU/100mL)	ISO 9308 - 1:2014(E) (*)	0	0	23/10/2018
2	Escherichia coli (CFU/100mL)	ISO 9308 - 1:2014 (E) (*)	0	0	23/10/2018
3	Chỉ số pecmanganat (mg/L)	TCVN 6186- 1996 (*)	0,8	2	24/10/2018
4	Clo dư (mg/L)	SMEWW 4500 - Cl F-2012	0,34	0,3 - 0,5	23/10/2018
5	Clorua (mg/L)	SMEWW 4500 -Cl ⁻ B - 2012 (*)	186,00	250,00	24/10/2018
6	Độ cứng tổng cộng, tính theo CaCO ₃ (mg/L)	SMEWW 2340C - 2012 (*)	272,00	300,00	24/10/2018
7	Độ đục (NTU)	SMEWW 2130B - 2012	0,50	2	24/10/2018
8	Độ màu (màu sắc) (TCU)	SMEWW 2120C - 2012 (*)	1,20	15	24/10/2018
9	Mangan tổng số (mg/L)	SMEWW 3500 Mn - B - 2012 (*)	0,05	0,3	24/10/2018
10	Mùi vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	24/10/2018
11	Nitrate (mg/L)	TCVN 6180- 1996	1,86	50	24/10/2018
12	Nitrite (mg/L)	SMEWW 4500- NO ₂ ⁻ B - 2012 (*)	Không phát hiện	3	24/10/2018
13	pH	TCVN 6492:2011 (*)	7,32	6,5 - 8,5	24/10/2018
14	Sắt tổng cộng (mg/L)	SMEWW 3500 Fe - B - 2012	0,07	0,3	24/10/2018
15	Sulphat (mg/L)	SMEWW 427 C - 2012	226,8	250	24/10/2018

(*) Phép thử này đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2005.

Nhận xét: Mẫu NƯỚC NGẦM CUỐI NGUỒN được xét nghiệm có các chỉ tiêu đạt theo QCVN 01:2009/BYT do Bộ Y Tế ban hành.

Mã số mẫu: 1104.18

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
-----	----------	-------------	---------	------------	-----------------

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.

TRƯỜNG KHOA XÉT NGHIỆM

Mucall

ThS. QUÁCH VĨNH THUẬN

Sóc Trăng, ngày 01 tháng 11 năm 2018

Kt. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



BS. Nguyễn Đình Thanh Liêm

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
1	Coliform tổng số (CFU/100ml)	ISO 9208 - 1:2014 (E) (*)	0	0	23/10/2018
2	Escherichia coli (CFU/100ml)	ISO 9208 - 1:2014 (E) (*)	0	0	23/10/2018
3	Chloride (mg/L)	TCVN 6186 - 1996 (*)	0,8	2	23/10/2018
4	Chloride (mg/L)	SMEWW 4500 - Cl-P-2012	0,34	0,3 - 0,5	23/10/2018
5	Chloride (mg/L)	SMEWW 4500 - Cl-B-2012 (*)	186,00	250,00	23/10/2018
6	Độ cứng tổng cộng tính theo CaCO ₃ (mg/L)	SMEWW 2310C - 2012 (*)	225,00	300,00	23/10/2018
7	Độ đục (NTU)	SMEWW 2130B - 2012	0,30	2	23/10/2018
8	Độ màu (màu sắc) (TCU)	SMEWW 2120C - 2012 (*)	1,20	15	23/10/2018
9	Mangan tổng số (mg/L)	SMEWW 3500 Mn-B-2012 (*)	0,02	0,3	23/10/2018
10	Mọi vi	Cảm quan	Không có mùi vị lạ		23/10/2018
11	Nitrate (mg/L)	TCVN 6186 - 1996	1,86	50	23/10/2018
12	Nitrite (mg/L)	SMEWW 4500-NO ₂ -B-2012 (*)	Không phát hiện	3	23/10/2018
13	pH	TCVN 6186:2011 (*)	7,32	6,5 - 8,5	23/10/2018
14	Độ cứng tổng cộng (mg/L)	SMEWW 3500-C-2012	0,07	0,3	23/10/2018
15	Sulfate (mg/L)	SMEWW 422 C - 2012	226,8	250	23/10/2018